

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN ANH THƯ

NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ VỚI VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON
NGƯỜI TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
(TRÊN CƠ SỞ SỐ LIỆU THỰC TIỄN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK)

Chuyên ngành: Luật hình sự và tử tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐẶNG QUANG PHƯƠNG

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI	8
1.1. Khái niệm và nội dung quyền con người.....	8
1.1.1. Khái niệm quyền con người.....	8
1.1.2. Nội dung quyền con người.....	12
1.2. Khái niệm và nội dung của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự	16
1.2.1. Khái niệm nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự	16
1.2.2. Nội dung nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự.....	19
1.3. Vai trò và ý nghĩa của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người	28
1.3.1. Vai trò của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người.....	28
1.3.2. Ý nghĩa của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người.....	30
Chương 2: THỰC TIỄN THI HÀNH NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LĂK	35
2.1. Thực tiễn thi hành các qui định của BLTTHS đối với việc bảo vệ quyền con người tại Tòa án cấp sơ thẩm tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk	35
2.3. Những vi phạm, sai lầm trong việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	75
2.3.1. Những vi phạm, sai lầm trong thực hiện các quyền	75
2.3.2. Những vi phạm, sai lầm trong thực hiện các nghĩa vụ	85
2.3.3. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm trong thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	91
Chương 3: NHỮNG YÊU CẦU VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LĂK.....	96
3.1. Những yêu cầu của việc nâng cao hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.....	96
3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	98
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật	98
3.2.2. Giải pháp tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật	106
3.2.3. Giải pháp nâng cao năng lực người tiến hành tố tụng và người bào chữa	107
3.2.4. Các giải pháp khác	112
KẾT LUẬN	115
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	118

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người là giá trị nhân văn cao quý, là khát vọng và thành quả đấu tranh qua các giai đoạn phát triển trở thành tài sản chung vô giá của nhân loại và mỗi quốc gia. Bảo đảm quyền con người là bảo đảm dân chủ, hiệu quả, hiệu lực nhà nước cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Việt Nam đang trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đó là nhà nước của dân, do dân, vì dân, Nhà nước có kỷ cương, kỷ luật, có nền pháp chế cao và nền dân chủ mở rộng, Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật... Ngày 28-11-2013, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 đã thông qua Hiến pháp mới, trong đó các quy định về Tòa án nhân dân được qui định từ Điều 102 đến Điều 106 là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp; có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân [21]. Theo quy định của Hiến pháp mới, nhiều nội dung quan trọng về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, về Thẩm phán Tòa án nhân dân đã được bổ sung, sửa đổi. Trong đó bổ sung nguyên tắc mới là *“Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được đảm bảo”*.

Nguyên tắc hai cấp xét xử là một nguyên tắc mới được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong tố tụng hình sự thể hiện sự thận trọng của Tòa án trong việc xét xử, đảm bảo cho việc xét xử chính xác, công bằng thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Việc quy định nguyên tắc này trong xét xử các vụ án hình sự là một tất yếu khách quan của thực tiễn xét xử để hoạt động này có thể thực hiện đúng được chức năng của nó và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan trong từng vụ án cụ thể. Thông qua đó, nguyên tắc này đảm bảo tính tương đối trong việc bảo vệ quyền con người. Song trên thực tế, xét xử vụ án hình sự không phải bao giờ cũng đúng đắn đem lại sự công bằng, bảo vệ được các quyền và lợi ích bị xâm phạm cũng như bảo vệ quyền con người. Trong bối cảnh nước ta đang xây dựng nền Kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh những tác động tích cực của việc đem lại về sự tăng trưởng, phát triển vượt bậc về kinh tế thì những tác động tiêu cực, những mâu thuẫn, những mặt trái của xã hội cũng nảy sinh, những loại tội phạm mới, tệ nạn xã hội gia tăng trong xã hội ngày càng nhiều và các vụ án hình sự Tòa án xét xử cũng trở nên phức tạp. Đầu đó, việc áp dụng pháp luật chưa tốt ảnh hưởng đến sự thụ hưởng các quyền cơ bản của con người. Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk cũng không phải là ngoại lệ. Xuất phát từ những nguyên nhân trên cho thấy cần nghiên cứu thêm về nguyên tắc thực hiện hai cấp xét xử của Tòa án trong TTHS là vấn đề cần thiết khi ưu tiên bảo đảm quyền con người trong tình hình hiện nay. Do đó, tôi chọn đề tài: *“Nguyên tắc hai cấp xét xử với việc bảo vệ quyền con người trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam – Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk”*.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS là một vấn đề khoa học và thực tiễn, nó phản ánh bản chất của pháp luật cũng như tính nhân văn trong cơ chế bảo vệ quyền con người. Vì vậy đã có nhiều công trình, nhiều đề tài nghiên cứu, như: *“Nguyên tắc hai cấp xét xử và việc áp dụng nguyên tắc đó vào việc tổ chức Tòa án các cấp”* của PGS.TS Trần Văn Độ - Tòa án quân sự Trung ương; *“Một số vấn đề về phiên tòa sơ thẩm”* của ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; Trần Văn Độ *“Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân”* năm 2003; Đặc biệt Luận án tiến sĩ Luật học *“Nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự”* của Vũ Gia Lâm 2008 Trường Đại học Luật Hà Nội; Luận văn thạc sĩ *“Thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm theo pháp luật Việt Nam”* của Lê Hoài Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội là những công trình nghiên cứu trực tiếp về hai cấp xét xử trong TTHS. Trên đây là những công trình nghiên cứu khái quát các góc độ về nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu này chưa nghiên cứu vấn đề dưới góc độ áp dụng nguyên tắc xét xử hai cấp trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành để bảo vệ quyền con người.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là làm rõ những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền con người thông qua nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự, nội dung và hình thức, phạm vi bảo đảm quyền con người trong nguyên tắc này theo quy định của pháp luật hiện hành từ thực tiễn tỉnh Đắk Lắk, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người thông qua việc thực hiện nguyên tắc này trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Để đạt được mục đích trên, việc nghiên cứu tập trung vào những nhiệm vụ sau: Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về quyền con người, phân tích các quyền con người được bảo vệ thông qua việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong Luật TTHS Việt Nam; Khảo sát thực tiễn việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong Luật TTHS Việt Nam tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Từ đó đánh giá có tính khách quan, hệ thống về quá trình thực thi về mặt pháp lý trong việc bảo đảm quyền con người, đánh giá thực trạng hoạt động bảo đảm quyền con người thông qua việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện nay; Phát hiện những vướng mắc, bất cập của các quy định về nguyên tắc hai cấp xét xử trong Luật TTHS Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Đắk Lắk và đưa ra các quan điểm, tìm các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện về mặt pháp lý, nâng cao vai trò của nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS, đảm bảo cơ quan tố tụng thực thi pháp luật từ đó nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: là các vấn đề lý luận và các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về nguyên tắc hai cấp xét xử, thực tiễn xét xử và tổ chức xét xử ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm trong những năm gần đây từ thực tiễn tỉnh Đắk Lắk để đánh giá tổng quan về thực trạng bảo vệ quyền con người thông qua nguyên tắc hai cấp xét xử.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài tập trung chủ yếu vào những vấn đề sau: Các quan điểm lý luận khác nhau về quyền con người, về nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS; Các quy định của pháp luật hiện hành về bảo đảm quyền con người, vai trò của nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS Việt Nam trong việc bảo vệ quyền con người như: các quy định về thẩm quyền, quyền hạn của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và hiệu lực của bản án sơ thẩm, phúc thẩm từ thực tiễn tỉnh Đắk Lắk; Thực tiễn thực hiện việc bảo vệ quyền con người thông qua nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS Việt Nam những năm gần đây từ thực tiễn tỉnh Đắk Lắk.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng về Nhà nước và pháp luật, về xây dựng Nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp ở nước ta.

Quá trình nghiên cứu đề tài tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học như phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê.

6. Ý nghĩa khoa học của luận văn

- Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về quyền con người; Thông qua việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử của hai cấp Tòa án tỉnh Đắk Lắk trong Luật TTHS Việt Nam như khái niệm, ý nghĩa, cơ sở của nguyên tắc,...

- Phân tích, đánh giá việc bảo vệ quyền con người thông qua các quy định của pháp luật hiện hành về nguyên tắc hai cấp xét xử trong Luật TTHS Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Đắk Lắk, phát hiện được những vướng mắc, hạn chế của các quy định về nguyên tắc hai cấp xét xử và thực tiễn thực hiện. Đồng thời tìm ra các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử để đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp và tăng cường bảo đảm quyền con người trong nhà nước pháp quyền trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về nguyên tắc hai cấp xét xử trong Luật Tố tụng hình sự Việt Nam đối với việc bảo vệ quyền con người.

Chương 2: Thực tiễn thi hành nguyên tắc hai cấp xét xử trong Luật Tố tụng hình sự Việt Nam đối với việc bảo vệ quyền con người trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương 3: Những yêu cầu và các giải pháp nâng cao hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử trong Luật Tố tụng hình sự Việt Nam đối với việc bảo vệ quyền con người trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI

1.1 . Khái niệm và nội dung quyền con người

1.1.1. Khái niệm quyền con người

Quyền con người là một vấn đề khá phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực như đạo đức, chính trị, pháp lý... Chính vì vậy, hiện nay có rất nhiều định nghĩa về quyền con người, mỗi định nghĩa tiếp cận quyền con người theo những góc độ khác nhau. Một định nghĩa rất phổ biến thường được trích dẫn bởi các học giả theo học thuyết quyền tự nhiên là: *“Quyền con người là những quyền cơ bản, không thể tước bỏ mà một người vốn được thừa hưởng đơn giản vì họ là con người”* [53].

Ở Việt Nam, một số định nghĩa về quyền con người do một số chuyên gia, cơ quan nghiên cứu từng nêu ra cũng không hoàn toàn giống nhau, nhưng xét chung, quyền con người thường được hiểu là: *“Những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế”*. Như vậy, dù ở góc độ nào hay cấp độ nào thì quyền con người cũng được xác định như là chuẩn mực được kết tinh từ những giá trị nhân văn của toàn nhân loại, áp dụng cho tất cả mọi người.

1.1.2. Nội dung quyền con người.

Quyền con người là giá trị chung của toàn nhân loại. Trong Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 12 tháng 7 năm 1992, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã khẳng định: *“Quyền con người là thành quả của cuộc đấu tranh lâu dài qua các thời đại của nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, và cũng là thành quả của cuộc đấu tranh của loài người làm chủ thiên nhiên; qua đó, quyền con người trở thành giá trị chung của nhân loại”* [1].

Trong xã hội có phân chia giai cấp, quyền con người mang tính giai cấp sâu sắc. Về vấn đề này, Chỉ thị số 41/2004/CT-TTg ngày 02/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ khẳng định: *“... Cuộc đấu tranh trên vấn đề quyền con người là cuộc đấu tranh mang tính giai cấp sâu sắc, sẽ diễn ra liên tục, lâu dài và quyết liệt”*[35].

Quyền con người thống nhất với quyền dân tộc cơ bản. Trong Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ VIII (từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941) về tổ chức Việt Minh, Nguyễn Ái Quốc viết: *“Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”* [12].

Quyền con người vừa có tính phổ biến, vừa có tính đặc thù, phụ thuộc vào truyền thống, đặc điểm và trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia. Sách trắng Thành tựu bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt Nam cũng khẳng định: *“Quyền con người vừa mang tính phổ biến, thể hiện khát vọng chung của nhân loại, được ghi trong Hiến chương của Liên hợp quốc, vừa có tính đặc thù đối với từng xã hội và cộng đồng...”*. Do đó, *“Khi tiếp cận và xử lý vấn đề quyền con người cần kết hợp hài hòa các chuẩn mực, nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế với những điều kiện đặc thù về lịch sử, chính trị, kinh tế - xã hội, các giá trị văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán của mỗi quốc gia và khu vực. Không một nước nào có quyền áp đặt mô hình chính trị, kinh tế, văn hóa của mình cho một quốc gia khác”* [1].

Quyền con người thể hiện trong quyền công dân và được pháp luật bảo hộ. Đảng xác định: *“Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người...”*. Trong Hiến pháp năm 2013, Nhà nước Việt Nam đã ghi nhận một cách một cách đầy đủ và trang

trọng các quyền con người, phù hợp với các chuẩn mực của luật pháp quốc tế.

Quyền không tách rời nghĩa vụ. Trong “Điều lệ tạm thời của Hội liên hiệp công nhân quốc tế năm 1864”, Các Mác đã chỉ rõ mối liên hệ giữa quyền và nghĩa vụ: “Không có quyền lợi nào mà không có nghĩa vụ, không có nghĩa vụ nào mà không có quyền lợi”. Trong Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người, tại khoản 2 Điều 29 cũng nêu rõ rằng: “*Khi hưởng thụ các quyền và tự do của mình, mọi người chỉ phải tuân thủ những hạn chế do luật định, nhằm mục đích bảo đảm sự công nhận và tôn trọng thích đáng đối với các quyền và tự do của người khác cũng như nhằm đáp ứng những yêu cầu chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ*”. [17]

Về mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ, Đảng ta nhận định: “*Quyền dân chủ, tự do của mỗi cá nhân không tách rời nghĩa vụ và trách nhiệm công dân. Dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, pháp luật. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích Tổ quốc, của nhân dân*” [1].

Tất cả các quyền con người cần được tôn trọng và bảo đảm một cách bình đẳng, tất cả các quyền của con người đều có ý nghĩa quan trọng như nhau và không có quyền nào được coi là vượt trội hơn quyền nào. Việc thực hiện hay không thực hiện một quyền sẽ có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến các quyền khác.

Mở rộng đối thoại và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quyền con người. Trong Chỉ thị số 12-CT/TW, Đảng ta khẳng định: “*Quyền con người là vấn đề đang được đặt ra trong các mối quan hệ quốc tế. Cần làm tốt công tác đối ngoại, giữ vững độc lập, chủ quyền của nước ta, sẵn sàng tỏ thiện chí hợp tác trong quan hệ quốc tế vì quyền con người, đồng thời đấu tranh với những âm mưu lợi dụng vấn đề này để chống phá ta*” [1].

1.2. Khái niệm và nội dung của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự

1.2.1. Khái niệm nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự

Nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự là tư tưởng chủ đạo, có tính bắt buộc chung, thể hiện quan điểm có tính định hướng của Nhà nước trong việc tổ chức tố tụng để xét xử các vụ án hình sự, được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự. Theo đó, việc xét xử vụ án hình sự phải được thực hiện ở hai cấp xét xử là xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm; bản án, quyết định sơ thẩm có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Trong trường hợp bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì tòa án cấp phúc thẩm phải tiến hành xét xử lại vụ án; Nếu không bị kháng cáo, kháng nghị thì bản án, quyết định sơ thẩm sẽ có hiệu lực pháp luật [52].

1.2.2. Nội dung nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự

Nguyên tắc hai cấp xét xử còn được qui định tại Điều 20 BLTTHS năm 2003:

“1. Tòa án thực hiện chế độ hai cấp xét xử.

Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật này.

Bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn do Bộ luật này quy định thì có hiệu lực pháp luật; đối với bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm. Bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới thì được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm theo quy định của Bộ luật này” [33].

Thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS chính là quyền con người, quyền của công dân, tổ chức được bảo vệ tại hai cấp xét xử của TAND, theo một trình tự thủ tục quy định tại BLTTHS. Theo đó các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải thực hiện để đảm bảo giải quyết vụ án hình sự. Hai cấp xét xử ở hệ thống Tòa án nước ta hiện nay là sơ thẩm và phúc thẩm.

1.2.2.1. Cấp xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự

Xét xử sơ thẩm là cấp xét xử thứ nhất khi xác định Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm phải

căn cứ vào quy định của pháp luật về thẩm quyền theo vụ án hình sự, thẩm quyền theo đối tượng và thẩm quyền theo lãnh thổ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án và quyết định của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật ngay, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử vụ án lại một lần nữa.

1.2.2.2. Cấp xét xử phúc thẩm trong tố tụng hình sự

Xét xử phúc thẩm là cấp xét xử thứ hai, đối với bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị; Vụ án phải được xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm được tiến hành bởi cấp trên trực tiếp của Tòa án đã tiến hành xét xử sơ thẩm. Khi xét xử lại vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm không chỉ kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm mà còn xét xử lại vụ án về mặt nội dung bản án. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án và được đưa ra thi hành [52].

1.3. Vai trò và ý nghĩa của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người

1.3.1. Vai trò của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người

Nguyên tắc xét xử hai cấp đóng vai trò rất quan trọng và độc lập, cần phải có trong hệ thống các nguyên tắc pháp luật tố tụng hình sự. Bởi lẽ:

Đối với nhà nước, nguyên tắc hai cấp xét xử thể hiện bản chất pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Mặt khác nguyên tắc này là công cụ hữu hiệu giúp cho nhà nước thực hiện chức năng quản lý xã hội, công bằng xã hội được duy trì, ý thức người dân về pháp luật được nâng cao, trật tự xã hội được Nhà nước xác lập không bị xâm phạm.

Đối với cơ quan tiến hành tố tụng, với việc đẩy mạnh cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Với những điểm mới, quan trọng về quyền tư pháp, thực hiện quyền tư pháp gắn liền với bảo vệ quyền con người trong hoạt động tư pháp. Đặc biệt là cơ quan xét xử, nguyên tắc này nhằm bảo đảm pháp lý vững chắc cho việc tìm ra sự thật của một vụ án, là một hình thức nâng cao hiệu quả, chất lượng cũng như khắc phục những hạn chế trong quá trình xét xử.

Đối với người tham gia tố tụng, nguyên tắc này tạo ra căn cứ pháp lý quan trọng, công cụ hỗ trợ để các chủ thể trong quan hệ TTTH tiếp cận công lý, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Từ đó, quyền con người được Nhà nước bảo vệ thông qua quá trình xét xử của cơ quan tiến hành tố tụng [52].

1.3.2. Ý nghĩa của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người

1.3.2.1. Ý nghĩa pháp lý

Điều này tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền và lợi ích pháp lý liên quan đến vụ án thể hiện thái độ đồng tình với việc xét xử của Tòa án bằng việc kháng nghị, kháng cáo đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự, để vụ án được xét xử lại ở cấp phúc thẩm. Thông qua đó các chủ thể của quyền kháng cáo, kháng nghị có thể bảo vệ được quyền và lợi ích của mình và trong nhiều trường hợp lợi ích của Nhà nước và xã hội cũng được bảo đảm [9].

1.3.2.2. Ý nghĩa chính trị, xã hội

Việc quyết định và thực hiện hai cấp xét xử trong TTTH đáp ứng những yêu cầu của Nhà nước pháp quyền với việc bảo đảm các quyền và lợi ích chính đáng của công dân, đảm bảo dân chủ, đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, áp dụng đúng pháp luật, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội; Là sự thể hiện nhận thức khoa học về hoạt động xét xử của Tòa án phù hợp với nguyên lý của chủ nghĩa Mac- Lê Nin về nhận thức thế giới. Đó là, nhận thức luôn có sự vận động và phát triển, không phải trong mọi trường hợp nhận thức của một con người về một sự vật, hiện tượng đã đúng đắn ngay từ lần nhận thức đầu tiên [24]. Việc quyết định một vụ án hình sự có thể được xét xử ở hai cấp xét xử khác nhau là phù hợp với quy luật của nhận thức nhằm đảm

bảo tính đúng đắn, khách quan của hoạt động xét xử. Việc quyết định và thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTTHS góp phần rất lớn vào việc bảo đảm công bằng xã hội, nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức pháp luật và phòng ngừa tội phạm, nâng cao uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và Tòa án nói riêng.

Chương 2

THỰC TIỄN THI HÀNH NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

2.1. Thực tiễn thi hành các quy định của BLTTTHS đối với việc bảo vệ quyền con người tại Tòa án cấp sơ thẩm tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Địa bàn tỉnh Đắk Lắk với đặc thù là một tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên có vị trí chiến lược rất quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng – an ninh, là địa phương có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nên bọn phản động lưu vong sống ở nước ngoài luôn tìm cách chống phá chính sách đại đoàn kết của dân tộc ta tại Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng; Hàng năm, số lượng án phải giải quyết của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhiều hơn so với các tỉnh khác (khoảng 8.000 vụ, việc các loại) và án hình sự ở tỉnh Đắk Lắk có số lượng nhiều, nổi cộm với những vụ đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều vụ Tòa tuyên tử hình nhiều bị cáo; Loại án này lại rất đa dạng về tội danh. Từ những tội phạm về an ninh quốc gia, chủ yếu do bọn xấu lợi dụng trình độ thấp kém của đồng bào dân tộc Tây Nguyên mà lôi kéo, kích động, chống phá những chính sách của Đảng, Nhà nước đến những tội phạm lừa đảo kinh tế dẫn đến vỡ huê, hại ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự trên địa bàn. Do là tỉnh rộng lớn, kinh tế phát triển nên bọn tội phạm tập trung về đây, gây ra nhiều vụ án hình sự ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự.

Mặc dù phải đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, nhưng trên cơ sở quán triệt, thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, với sự chỉ đạo của Tòa án nhân dân tối cao, Thường trực Tỉnh uỷ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và sự hợp tác hiệu quả của các cơ quan chức năng cùng với những cố gắng, nỗ lực của cán bộ, công chức, ngành Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã nêu cao tinh thần trách nhiệm và phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Theo số liệu thống kê án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì từ năm 2009 đến năm 2013 đã giải quyết theo trình tự thủ tục sơ thẩm tổng số **7.444** vụ án với **14.064** bị cáo (*tham khảo số liệu tại bảng 2.1*), cụ thể: Năm 2009 là 1.559 vụ, năm 2010 là 1.299 vụ, năm 2011 là 1.397 vụ, năm 2012 là 1.649 vụ và năm 2013 là 1.540 vụ. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do chất lượng giải quyết các vụ án hình sự ngày một đảm bảo hơn, hầu hết các bản án, quyết định của Tòa án đã được giải quyết đúng pháp luật. Về kết quả giải quyết án hình sự theo trình tự thủ tục sơ thẩm từ năm 2009 đến năm 2013 được thể hiện qua bảng thống kê sau đây:

Bảng 2.1. Số lượng các vụ án hình sự và số bị cáo đã được Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm tại tỉnh Đắk Lắk giải quyết từ năm 2009 đến 2013

Năm	Tổng số án hình sự đã thụ lý sơ thẩm		Đã giải quyết theo thủ tục sơ thẩm	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
Năm 2009	1.605	3.073	1.559 (<i>Chiếm 97 %</i>)	2.951 (<i>Chiếm 96 %</i>)
Năm 2010	1.309	2.400	1.299 (<i>Chiếm 99 %</i>)	2.346 (<i>Chiếm 97 %</i>)
Năm 2011	1.430	2.655	1.397 (<i>Chiếm 98 %</i>)	2.551 (<i>Chiếm 96 %</i>)
Năm 2012	1.667	3.272	1.649 (<i>Chiếm 99 %</i>)	3.200 (<i>Chiếm 97 %</i>)
Năm 2013	1.569	3.107	1.540 (<i>Chiếm 98 %</i>)	3.016 (<i>Chiếm 97 %</i>)
Tổng	7.580	14.507	7.444	14.064

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm tại tỉnh Đắk Lắk trong quá trình giải quyết vụ án đã áp dụng các nguyên tắc của TTTHS khi tiến hành tố tụng nhằm đảm bảo các quyền con người. Cụ thể:

Bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, quyền bình đẳng trước tòa án,

đây là được coi là tiền đề cho việc bảo đảm các quyền con người trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, nhưng đặc biệt có ý nghĩa rất lớn trong việc tôn trọng và bảo đảm các quyền con người trong giai đoạn và xét xử. Trong tổng số **14.064** bị cáo đã được Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm xét xử tại tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009 đến năm 2013 có: **1.384** bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, **642** bị cáo là nữ, **52** bị cáo là cán bộ công chức, **55** bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (*Đã tạm đình chỉ sinh hoạt đảng*),...

Bảo đảm quyền được sử dụng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình, từ năm 2009 đến năm 2013 Tòa án nhân dân cấp hai cấp tại tỉnh Đắk Lắk đã xét xử đối với **1.384** bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó chiếm tỷ lệ đa số là Ê Đê, Tày, Nùng,... Thực hiện nguyên tắc này Tòa án hai cấp tại tỉnh Đắk Lắk đã làm công văn gửi Ban Dân tộc, Trường dân tộc nội trú khu vực Tây Nguyên, Đài phát thanh truyền hình tỉnh, các Trung tâm ngoại ngữ cử người phiên dịch tham gia tố tụng tại phiên tòa để làm trung gian truyền tải, trình bày các lý lẽ, căn cứ làm cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét các yêu cầu, nguyện vọng của bị cáo, đương sự. Tuy nhiên thực tiễn áp dụng nguyên tắc này cho thấy còn có những vướng mắc cần được quan tâm, hướng dẫn kịp thời: do chưa có một văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn nên việc thực hiện còn chưa thống nhất, trình độ hiểu biết pháp luật của người phiên dịch còn hạn chế nên việc dịch thuật còn kém, chưa đảm bảo tính khách quan.

Bảo đảm quyền bào chữa trong tố tụng hình sự, đây là một nguyên tắc hiến định được quy định tại khoản 4 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 và theo thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì số vụ án có sự tham gia của người bào chữa chỉ định cụ thể từ: năm 2009 có 181 vụ, năm 2010 có 153 vụ, năm 2011 có 130 vụ, năm 2012 có 173 vụ, năm 2013 có 155 vụ. Như vậy tổng cộng có **792** vụ án hình sự sơ thẩm có sự tham gia của người bào chữa trên tổng số **7.444** vụ án mà Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm tại tỉnh Đắk Lắk thụ lý để giải quyết theo trình tự sơ thẩm, chiếm tỷ lệ tương đối thấp 10,63%. Để thực hiện thống nhất quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các bên trong quá trình tham gia tố tụng, ngày 18/11/2011, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ký kết quy chế số 01/2011/QCPH/VKS-ĐLS về việc “*Phối hợp hoạt động giữa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk*”.

Bảo đảm quyền con người thông qua việc áp dụng các qui định của pháp luật TTHS về các biện pháp ngăn chặn, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cũng như thực tiễn xét xử từ 2009 đến 2013, Tòa án nhân dân hai cấp tại tỉnh Đắk Lắk đã ra Lệnh tạm giam đối với 4.605 bị cáo; cho bảo lãnh đối với 108 bị cáo; Hội đồng xét xử ra quyết định bắt tạm giam đối với 18 bị cáo; Hội đồng xét xử sơ thẩm ra quyết định tạm giam 45 ngày đối với 4.310 bị cáo kể từ ngày tuyên án. Trình tự, thủ tục khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn được đảm bảo. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp sau khi xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử không ra quyết định tạm giam 45 ngày đối với bị cáo đang tạm giam (thời hạn tạm giam dưới 40 ngày) và việc tạm giam bị cáo không có Lệnh, Quyết định của các cơ quan tố tụng vẫn còn tồn tại; Lệnh tạm giam, Quyết định tạm giam vẫn chưa được tổng đạt cho bị cáo theo qui định.

Bảo đảm quyền con người thông qua hoạt động xét xử sơ thẩm, tại Điều 9 BLTTHS quy định “*Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*” [33]. Bên cạnh việc đảm bảo việc thi hành các nguyên tắc chung của BLTTHS năm 2003 thì Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm tại tỉnh Đắk Lắk còn thực hiện các qui định về thủ tục tố tụng chung của BLTTHS năm 2003 về xét xử sơ thẩm nhằm đảm bảo quyền con người, cụ thể:

(1). *Đảm bảo về thời hạn xét xử*, theo số liệu thống kê các vụ án hình sự sơ thẩm và các bị cáo đã được đưa ra xét xử từ năm 2009 đến năm 2013 tại Tòa án nhân dân cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

Bảng 2.2: Số liệu các vụ án hình sự và số bị cáo đã được xét xử sơ thẩm từ năm 2009 đến năm 2013 của TAND hai cấp tại tỉnh Đắk Lắk.

Năm	Tổng số vụ án hình sự đã được giải quyết theo trình tự thủ tục sơ thẩm		Đã được đưa ra xét xử sơ thẩm		Chiếm tỷ lệ (% - Số vụ)
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	
Năm 2009	1.559	2.951	1.406	2.561	90.18%
Năm 2010	1.299	2.346	1.185	2.057	91.22%
Năm 2011	1.397	2.551	1.292	2.384	92.48%
Năm 2012	1.649	3.200	1.529	2.923	92.72%
Năm 2013	1.540	3.016	1.438	2.777	93.37%
Tổng	7.444	14.064	6.850	12.702	92.02%

Nguồn: TAND tỉnh Đắk Lắk

Hàng năm TAND tỉnh ban hành các Kế hoạch về kiểm tra và xử lý án quá hạn luật định của các TAND cấp huyện, qua đó kịp thời nắm bắt nguyên nhân và có biện pháp chỉ đạo cụ thể để hạn chế đến mức thấp nhất các sai phạm trong quá trình xét xử, hạn chế số lượng các vụ án quá hạn luật định. Theo số liệu thống kê án hình sự sơ thẩm trong 05 năm từ 2009 đến 2013 không có án quá hạn luật định. Tuy nhiên, các loại vụ án mà ngành Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm tại Đắk Lắk đã thụ lý và giải quyết ngày càng tăng cả về số lượng lẫn tính chất phức tạp, nhiều loại án mới phát sinh trên địa bàn, kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án còn hạn chế.

(2). Vấn đề trả hồ sơ để điều tra bổ sung và mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra - Viện kiểm sát - Tòa án đối với việc đảm bảo quyền con người, Các vụ án Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát yêu cầu Viện kiểm sát điều tra, thu thập thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà Tòa án không thể bổ sung được tại phiên tòa và việc trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để yêu cầu điều tra bổ sung phải đảm bảo có cơ sở và đúng các quy định của pháp luật.

Bảng 2.3: Số liệu các vụ án và các bị cáo, Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung từ năm 2009 đến năm 2013 của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm tại tỉnh Đắk Lắk.

Năm	Tổng số vụ án hình sự đã được giải quyết theo trình tự thủ tục sơ thẩm		Trả hồ sơ điều tra bổ sung		Viện kiểm sát chấp nhận	Chiếm tỷ lệ %
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo		
Năm 2009	1.559	2.951	140	374	98	70 %
Năm 2010	1.299	2.346	112	287	83	74.1%
Năm 2011	1.397	2.551	104	166	73	70.1%
Năm 2012	1.649	3.200	116	269	104	89.6%
Năm 2013	1.540	3.016	90	222	84	93.3%
Tổng	7.444	14.064	562	1318	442	78.6%

Nguồn: TAND tỉnh Đắk Lắk

Nhìn chung, tổng số vụ án hàng năm trả hồ sơ điều tra bổ sung giảm dần và tỷ lệ được Viện

kiểm sát chấp nhận ngày càng tăng. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít đơn vị cấp huyện khi quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát đã không thực hiện đúng Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ công an, Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ điều tra bổ sung. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh đã có công văn số 189/CV-TA ngày 12/8/2013 yêu cầu TAND cấp huyện khắc phục vi phạm trong công tác phối hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Các thẩm phán phải có trách nhiệm báo cáo giải trình và kiểm điểm nghiêm túc về việc trả hồ sơ không đúng quy định trên trước lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh.

(3). *Đình chỉ vụ án đối với việc đảm bảo quyền con người*, việc đình chỉ vụ án nhằm chấm dứt mọi hoạt động tố tụng đối với vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã được Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên toà khi có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và các điểm 3, 4, 5, 6, 7 Điều 107 BLTTHS hoặc khi Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên toà đã được đảm bảo đúng qui định của BLTTHS năm 2003 [36]. Theo số liệu thống kê việc đình chỉ vụ án của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2013 như sau:

Bảng 2.4: Số liệu các vụ án hình sự và các bị cáo đã được đình chỉ vụ án từ năm 2009 đến năm 2013 của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Năm	Tổng số vụ án hình sự đã được giải quyết theo trình tự thủ tục sơ thẩm		Số vụ án đã đình chỉ		Chiếm tỷ lệ (%- Vụ)
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	
Năm 2009	1.559	2.951	13	16	0.54%
Năm 2010	1.299	2.346	2	2	0.085%
Năm 2011	1.397	2.551	1	1	0.071%
Năm 2012	1.649	3.200	4	8	0.25%
Năm 2013	1.540	3.016	12	17	0.56%
Tổng	7.444	14.064	32	44	0.31%

Nguồn: TAND tỉnh Đắk Lắk

Nhìn chung, theo số liệu thống kê do TAND tỉnh Đắk Lắk cung cấp thì có thể thấy số vụ án được đình chỉ chiếm tỉ lệ thấp so với tổng số vụ án đã giải quyết. Trong tổng số **44** bị cáo đã được đình chỉ có 08 trường hợp người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết trong quá trình chuẩn bị xét xử hoặc trong quá trình tạm đình chỉ vụ án do bị cáo bị bệnh lý hiểm nghèo; 22 trường hợp người yêu cầu khởi tố vụ án hình sự theo quy định tại Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự tự nguyện rút yêu cầu khởi tố trước ngày mở phiên toà sơ thẩm; 14 trường hợp Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên toà. Căn cứ vào Điều 180, Điều 181 Bộ luật tố tụng hình sự Thẩm phán được phân công chủ tọa đã ra quyết định đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử đối với các vụ án trên. Ngoài ra, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, các đương sự thì thẩm phán ra quyết định đình chỉ vụ án phải ghi rõ thời gian địa điểm ra quyết định, lý do đình chỉ vụ án, việc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn, trả lại đồ vật, tài liệu tạm giữ nếu có và những vấn đề có liên quan. Nếu trong vụ án có nhiều bị can mà căn cứ để đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả các bị can, thì có thể đình chỉ vụ án đối với từng bị can, bị cáo. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số vụ án thẩm phán chủ tọa ra quyết định đình chỉ vụ án không đủ căn cứ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, đương sự.

Ví dụ: Tại vụ án hình sự sơ thẩm “Cố ý gây thương tích” có 02 người bị hại: Trần Văn Hạnh (3%), Trần Văn Sơn (6%); Vụ án được khởi tố do có đơn yêu cầu của của bị hại. Bị cáo Hồ Viết Đắc bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 104 BLHS. Trước khi mở phiên toà, bị hại Trần Văn Sơn có đơn rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, TAND huyện Lắk đã ban hành Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2009/HSST -

QĐ ngày 17/3/2009 không đúng pháp luật. Bởi lẽ, trong vụ án có 02 người bị hại đều yêu cầu khởi tố theo Điều 105 BLTTHS, việc anh Trần Văn Sơn rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo trước khi mở phiên tòa là tự nguyện và được HĐXX chấp nhận cần được đưa vào phần nhận định của bản án sơ thẩm. Vụ án trên vẫn buộc phải tiếp tục đưa ra xét xử đối với bị cáo về hành vi gây thương tích cho anh Trần Văn Hạnh (3%) để đảm bảo quyền được Nhà nước bảo hộ về sức khỏe của anh Trần Văn Hạnh, bên cạnh việc xác định tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo còn xác định trách nhiệm bồi thường (nếu có).

(4) Đảm bảo về trình tự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm:

Đảm bảo tại phiên tòa việc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục, Đảm bảo việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa, thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 02-01-2002 của Bộ Chính trị "về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" nhấn mạnh: "Việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa" [53]. Tòa án cấp sơ thẩm tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã chú trọng nâng cao việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa, bảo đảm tính dân chủ, công bằng giữa những người tham gia tố tụng với Viện kiểm sát, kết quả tranh tụng tại phiên tòa là căn cứ để Hội đồng xét xử xác định sự thật vụ án nhằm đề cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật của HĐXX về các phán quyết của mình. Hầu hết các Thẩm phán có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, đội ngũ Thẩm phán và Thư ký Tòa án đều có trình độ cử nhân luật trở lên; các Thẩm phán mới được bổ nhiệm đã được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ xét xử. Nhiều Thẩm phán điều khiển phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết. Việc phổ biến quyền và nghĩa vụ của bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác; việc tuân thủ các quy định của BLTTHS trong quá trình xét xử được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ. Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự vẫn còn tồn tại một số khó khăn nhất định như: đang còn có những quan điểm nhận thức rất khác nhau giữa các nhà khoa học cũng như cán bộ làm công tác thực tiễn về khái niệm tranh tụng; thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của tranh tụng tại phiên tòa; về phạm vi, phương pháp và nội dung tranh tụng mà các chủ thể cần thực hiện... Bên cạnh đó, một số Thẩm phán còn hạn chế thời gian trình bày lời bào chữa của bị cáo hoặc người bào chữa, không yêu cầu kiểm sát viên đối đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, chỉ chú ý tới quan điểm, chứng cứ buộc tội do đại diện Viện kiểm sát đưa ra... Cá biệt hơn, có những thẩm phán nghiên cứu hồ sơ và đánh giá các chứng cứ chưa thật kỹ lưỡng trước khi mở phiên tòa có tính chất phức tạp hoặc đồng bị cáo, đương sự, do đó còn lúng túng khi xử lý các tình huống phát sinh tại phiên tòa.

Không ít trường hợp Luật sư do Tòa án chỉ định theo quy định của pháp luật họ thường thực hiện vai trò bào chữa chỉ là nghĩa vụ mà chưa phát huy hết khả năng, tinh thần trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được bào chữa. Thực tiễn xét xử sơ thẩm tại địa bàn cho thấy rằng, chất lượng bào chữa tại phiên tòa nhìn chung chưa cao, rất ít Luật sư đưa ra những tài liệu, chứng cứ có tính thuyết phục để bảo vệ có hiệu quả cho thân chủ của mình.

Đảm bảo cơ cấu thành phần của HĐXX, tại Điều 185 BLTTHS qui định về thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có một Thẩm phán và hai Hội thẩm. Trong trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp, thì Hội đồng xét xử có thể gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm. Đối với vụ án mà bị cáo bị đưa ra xét xử về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình thì Hội đồng xét xử gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm. Đối với những vụ án là người chưa thành niên phạm tội thì tham gia Hội đồng xét xử phải là những Hội thẩm có sự hiểu biết về tâm sinh lý trẻ em, phải là người của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc là giáo viên. Việc tuân thủ các quy định của BLTTHS trong quá trình xét xử sơ thẩm đảm bảo cơ cấu, thành phần của HĐXX được Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm tại Đắk Lắk thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ. Đối với Hội thẩm được phân công đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Đội ngũ Hội thẩm ngày càng được nâng cao về chất lượng xét xử. Tuy nhiên, Hội thẩm nhân dân đa số làm công tác kiêm nhiệm nên thời gian dành cho việc nghiên cứu hồ sơ vụ án chưa sâu,

thực tế một số ít hội thẩm (*nhất là ở cấp huyện*) chưa thực hiện hết trách nhiệm và nhiệm vụ mà pháp luật quy định cho mình, còn ỷ lại quá nhiều vào Thẩm phán, không có tư duy độc lập. Vẫn còn những tồn tại, hạn chế trong việc đảm bảo thành phần hội đồng xét xử như một hội thẩm nhân dân hai lần tham gia xét xử cùng một vụ án.

Ví dụ: vụ án hình sự sơ thẩm số 55/2009/HSST ngày 15/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng bị xét xử bị cáo Nguyễn Quốc Việt về hành vi “*Cố ý gây thương tích*” với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm Hội thẩm nhân dân là ông Đinh Văn Phòng. Nhưng sau khi bản án sơ thẩm này bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm và quyết định hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do chưa điều tra đầy đủ chứng cứ. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2011/HSST ngày 20/01/2011 Tòa án nhân dân huyện Krông Năng lại tiến hành xét xử sơ thẩm lại với vụ án cũng với Hội đồng xét xử sơ thẩm là ông Đinh Văn Phòng - Hội thẩm nhân dân. Như vậy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng tổ tụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 46 BLTTHS, chưa đảm bảo thành phần của Hội đồng xét xử, không đảm bảo tính khách quan, toàn diện, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng.

Đảm bảo sự có mặt của bị cáo, đương sự tại phiên tòa sơ thẩm, BLTTHS năm 2003 tại các Điều 187, Điều 190, Điều 191, Điều 192 đã quy định bị cáo và đương sự có quyền được tham gia vào các hoạt động tố tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự, bị cáo và đương sự được triệu tập mà vắng mặt có thể vì nhiều nguyên nhân khác nhau cụ thể là: vắng mặt do việc triệu tập của Tòa án không hợp lệ; hoặc được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có lý do chính đáng như do sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan mà họ không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; cố tình vắng mặt .v.v.. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phải lựa chọn và áp dụng các biện pháp xử lý khi bị cáo, đương sự vắng mặt tại phiên tòa phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể mới có thể đảm bảo quyền tham gia phiên tòa của bị cáo, đương sự trong tố tụng hình sự, đồng thời hạn chế được việc bị cáo, đương sự có hành vi cản trở làm trì hoãn quá trình giải quyết vụ án hình sự. Trên thực tế, trong quá trình Tòa án xét xử sơ thẩm tại Đắk Lắk không ít trường hợp vi phạm các quy định đảm bảo sự có mặt của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm đã xâm phạm quyền được xét xử công bằng, bình đẳng trước tòa án của bị cáo; Xác định sai tư cách tham gia tố tụng, vắng mặt quyền lợi của đương sự dẫn đến xâm phạm các quyền về nhân thân, tài sản của họ được pháp luật bảo vệ.

Ví dụ 1: Bị cáo Nguyễn Minh Đức bị TAND huyện Krông Buk đưa vụ án ra xét xử; Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23.12.2008 Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo do bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo. Tại bản án số 97/2008/HSST ngày 23/12/2008 của TAND Krông Buk đã tuyên án về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo; Ngoài ra Hội đồng xét xử đã căn cứ khoản 4 Điều 227 ban hành quyết định số 105/2008/HSST-QĐ ngày 23/12/2008 tuyên trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa. Trong trường hợp này đã vi phạm tố tụng hình sự và xâm phạm quyền con người của bị cáo là quyền được xét xử công bằng bởi một tòa án, bị cáo có quyền tham gia phiên tòa, tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, được tranh luận, đối đáp với quan điểm của VKS truy tố về hành vi mình bị truy tố,...Việc bị cáo bị bệnh hiểm nghèo không thể tham dự phiên tòa thì HĐXX buộc phải hoãn phiên tòa, tạm đình chỉ vụ án cho đến khi bị cáo khỏi bệnh.

Vấn đề xử lý vật chứng trong vụ án hình sự đối với việc đảm bảo quyền con người, Trong quá trình xét xử, Tòa án có quyền quyết định trả lại những vật chứng là vật, tiền bạc thuộc sở hữu của Nhà nước, tổ chức, cá nhân bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc dùng làm công cụ, phương tiện thì trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp; trong trường hợp không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì sung công quỹ Nhà nước nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án. Thực tiễn áp dụng việc xử lý vật chứng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật góp phần quan trọng vào việc tước đoạt quyền sở hữu đối với các tài sản đối với người thực hiện hành vi phạm tội nhằm xóa bỏ điều kiện phạm tội; khôi phục lại quyền sở hữu cho chủ sở hữu, quyền chiếm hữu cho người quản lý hợp pháp,... Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng trong công tác xét xử Tòa án cấp sơ thẩm tại tỉnh Đắk Lắk vẫn tồn tại một số ít sai sót thường gặp cần

được khắc phục là: xử lý vật chứng không đúng quy định, không đủ căn cứ...

Ví dụ: Xe mô tô biển kiểm soát 47H1-227.30 là tài sản của bị cáo Ngô Công Thắng sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, sau đó Thắng đã bán cho một người không rõ nhân thân, lai lịch và cơ quan điều tra không thu giữ được. Tại bản án số 92/2013/HSST ngày 12/11/2013 đã áp dụng khoản 2 Điều 76 BLTTHS để truy thu sung công quỹ nhà nước đối với bị cáo Ngô Công Thắng số tiền 7.800.000đ giá trị của chiếc xe là không có căn cứ.

Việc ban hành bản án và các quyết định của Tòa án đối với việc bảo đảm quyền con người, bản án hình sự là sự thể hiện quyền lực của Nhà nước trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Thực tiễn xét xử tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk cho thấy, đội ngũ Thẩm phán trên toàn quốc nói chung và các Thẩm phán tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng đã chú trọng hơn đến việc nâng cao chất lượng viết bản án cả về bố cục và nội dung trình bày. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại thẩm phán, thư ký câu hỏi trong khâu rà soát, kiểm tra nội dung bản án trước khi phát hành án, để xảy ra nhầm lẫn một số câu chữ trong bản án thuộc các trường hợp không được phép giải thích, đính chính đã dẫn đến oan sai, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền của bị cáo. Ví dụ: Tại phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 08/2011/HSST ngày 12/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tuyên bố bị cáo Trần Xuân Hải phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án”. Tuy nhiên, tại biên bản nghị án ngày 12/01/2011 của HĐXX sơ thẩm thì ghi “Xử phạt: Trần Xuân Hải 01 năm 08 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án”.

Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự đối với việc bảo đảm quyền con người, thực hiện nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân là tiền đề cho việc thực hiện nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân được luật hình sự bảo vệ ngoài việc làm phát sinh trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội còn làm phát sinh trách nhiệm dân sự. Nếu cá nhân bị tội phạm xâm hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, tài sản... thì họ sẽ được bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần. Việc bồi thường thiệt hại khi hành vi phạm tội xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản... của công dân phải được giải quyết theo một nguyên tắc nhất định. Thực tiễn xét xử Tòa án cấp sơ thẩm tại tỉnh Đắk Lắk cho thấy: các vụ án hình sự có giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự tăng lên rất nhiều và việc giải quyết vấn đề dân sự trong các vụ án đó ngày càng phức tạp như vụ án Nguyễn Thị Hoa cùng đồng bọn phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đã được TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vào ngày 21/3/2013 có số lượng người bị hại lên tới 60 người tương đương với việc giải quyết 60 vụ án dân sự, vụ án Hà Thị Thu Thủy cùng đồng bọn phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” có đến 72 người bị hại...mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng trong năm qua chất lượng xét xử án hình sự sơ thẩm liên quan đến vấn đề giải quyết dân sự thì việc điều tra, thu thập chứng cứ còn sơ sài, chưa đầy đủ; Hội đồng xét xử chưa quan tâm đúng mức tới việc giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự mà chỉ chú trọng đến việc giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự, không nghiên cứu kỹ Bộ luật Dân sự và các hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên xác định không đúng thiệt hại, quyết định mức bồi thường không chính xác hoặc tách phần dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết không đúng quy định của pháp luật dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng chưa được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Ví dụ: Phạm bá Vũ - phạm tội “Cố ý gây thương tích”: Do mâu thuẫn với nhau từ trước, nên tối ngày 21/5/2007 giữa Phạm Bá Vũ và Lê Trọng Tuấn nên Vũ đã lấy một con dao tông dài khoảng 70cm dao chém liên tiếp trúng khuỷu tay trái và cổ tay phải gây tổn hại 50% sức khỏe cho anh Tuấn. Tại bản án sơ thẩm số 80/2009/HSST ngày 02/12/2009 của TAND huyện Ea Kar đã buộc Phạm Bá Vũ phải bồi thường cho anh Lê Trọng Tuấn thiệt hại về sức khỏe số tiền 34.609.700đ được khấu trừ số tiền bị đơn và gia đình đã bồi thường trước là 4.350.000đ, Phạm bá Vũ phải bồi thường tiếp là 30.259.700đ và nhận định rằng: “Tại thời điểm xét xử bị cáo Vũ đã thành niên nên phải chịu trách nhiệm bồi thường cá nhân dù không có tài sản riêng” là không đúng. Bởi lẽ, theo khoản 2 Điều 606 BLDS quy định: “Người từ đủ 15 tuổi đến

chưa đủ 18 tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình”. Trong quá trình điều tra, cấp sơ thẩm đã xác định khi Vũ phạm tội là người chưa đủ 16 tuổi, không có tài sản riêng để bồi thường, đang sống phụ thuộc vào gia đình nên cha mẹ Vũ phải bồi thường thiệt hại cho anh Tuấn là chưa đảm bảo quyền của bị cáo và quyền được bồi thường thiệt hại của người bị hại.

2.2. Thực tiễn thi hành các qui định của BLTTHS đối với việc bảo vệ quyền con người tại Tòa án cấp phúc thẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện các qui định của BLTTHS năm 2003 trong việc đảm bảo quyền con người tại Tòa án cấp phúc thẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã áp dụng đầy đủ các nguyên tắc cơ bản của BLTTHS (Đã được phân tích, đánh giá tại Mục 2.1). Ngoài ra, thông qua việc thực tiễn thi hành các qui định về xét xử phúc thẩm tại Phần thứ tư BLTTHS năm 2003 có thể phân tích vấn đề đảm bảo quyền con người tại Tòa án cấp phúc thẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Theo thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009 đến năm 2013, tình hình thụ lý – giải quyết án hình sự phúc thẩm như sau:

Bảng 2.5. Số lượng các vụ án hình sự và các bị cáo đã được Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm tại tỉnh Đắk Lắk thụ lý - giải quyết từ năm 2009 đến 2013

Năm	Tổng thụ lý		Trong tổng số án hình sự phúc thẩm đã thụ lý				Đã Giải quyết		Tỷ lệ án vụ án đã giải quyết (%)
			Kháng nghị		Kháng cáo				
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	
2009	419	686	42	99	377	587	415	676	99
2010	431	725	39	121	392	604	422	706	97.9
2011	439	681	43	84	396	597	430	662	97.9
2012	493	826	41	122	452	704	486	817	98.5
2013	524	928	45	103	479	825	517	921	98.6
Tổng	2.306	3.846	210	529	2.096	3.317	2.270	3.782	98.4

Nguồn: TAND tỉnh Đắk Lắk.

Mặc dù số lượng vụ án đã giải quyết, xét xử phúc thẩm chiếm tỉ lệ cao trên tổng số vụ Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý. Với lượng án thụ lý rất lớn nhưng Tòa án cấp phúc thẩm tại Đắk Lắk đã giải quyết trong thời hạn luật định, xét xử nhanh chóng, kịp thời hạn chế thấp nhất lượng án tồn đọng, chất lượng xét xử phúc thẩm ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên vẫn còn nhiều vụ án đã xét xử phúc thẩm nhưng bản án bị Tòa giám đốc thẩm hủy để điều tra lại hoặc xét xử lại, thậm chí thời gian trước đây có nhiều trường hợp hủy án phúc thẩm, giữ nguyên án sơ thẩm mà nguyên nhân chủ yếu là: sai lầm trong xác định tội danh, áp dụng hình phạt quá nhẹ, áp dụng qui định về cho hưởng án treo không đúng căn cứ của pháp luật, vi phạm thủ tục tố tụng hình sự... Việc xét xử ở cấp phúc thẩm nhìn chung đảm bảo chất lượng, góp phần sửa chữa kịp thời các sai lầm, vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm, bảo đảm thực hiện có hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử. Điều này thể hiện ở chỗ hàng năm số lượng án được xét xử phúc thẩm rất lớn và có chiều hướng gia tăng nhưng số lượng án bị kháng nghị xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm được thụ lý ở TANDTC là không nhiều.

Dựa theo báo cáo tổng kết công tác xét xử hàng năm, trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013) của TAND tỉnh Đắk Lắk thì số vụ án hình sự và số bị cáo để đánh giá kết quả giải quyết tại cấp xét xử phúc thẩm có thể thấy rằng:

Bảng 2.6: Số liệu thống kê – Phân tích các vụ án hình sự và các bị cáo đã được giải quyết ở Tòa án cấp phúc thẩm tại tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009 đến năm 2013

Năm	Tổng số vụ án đã giải quyết		Phân tích tổng số bị cáo đã giải quyết				
			Đình chỉ xét xử phúc thẩm do rút kháng cáo, kháng nghị	Xét xử			
	Vụ	Bị cáo		Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm	Sửa bản án sơ thẩm	Hủy án để điều tra, xét xử lại	Hủy án sơ thẩm Đình chỉ vụ án (Theo NQ 33/2009/QH)
2009	415	676	28	239	374	13	22
2010	422	706	37	229	412	28	0
2011	430	662	50	224	348	32	8
2012	486	817	51	328	423	15	0
2013	517	921	60	378	473	10	0
Tổng	2.270	3.782	226	1.398	2.030	98	30

Nguồn: TAND tỉnh Đắk Lắk

Thẩm quyền xét xử phúc thẩm được quy định tại khoản 2 Điều 248 BLTTHS năm 2003 nhằm đảm bảo quyền con người. Theo đó, Tòa án cấp phúc thẩm có thẩm quyền:

(1). *Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm*, qua thực tiễn thi hành qui định này tại Tòa án cấp phúc thẩm tỉnh Đắk Lắk (*Số liệu tham khảo tại bảng 2.6*) có thể thấy rằng số liệu từ năm 2009 đến năm 2013 tổng số **1.398** bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị được Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt cũng như trách nhiệm dân sự, các biện pháp tư pháp khác, chiếm tỷ lệ 36,9% tổng số án giải quyết. Căn cứ để không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị có thể không chấp nhận về hình thức, không chấp nhận về nội dung.

(2). *Sửa bản án sơ thẩm*, là việc Tòa án cấp phúc thẩm làm thay đổi nội dung của bản án sơ thẩm trong những trường hợp BLTTHS năm 2003 quy định tại Điều 249. Thực tiễn thi hành qui định này tại Tòa án cấp phúc thẩm tỉnh Đắk Lắk, từ năm 2009 đến năm 2013, trong tổng số **3.782** bị cáo đã bị xét xử theo trình tự phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm đã sửa án sơ thẩm đối với **2.030** bị cáo (*Số liệu tham khảo tại bảng 2.6*). Trong đó:

Giảm hình phạt đối với bị cáo, trong 5 năm từ 2009-2013 Tòa án cấp phúc thẩm tỉnh Đắk Lắk đã xét xử và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm **1.708** bị cáo/**2.030** bị cáo (Chuyển từ hình phạt tù sang cho hưởng án treo: 730 bị cáo; Chuyển từ hình phạt tù sang các hình phạt khác không phải giam giữ: 89 bị cáo; Giảm hình phạt tù: 889 bị cáo).

Trong trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại kháng cáo yêu cầu thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể:

Tăng hình phạt đối với bị cáo, trong 5 năm từ 2009-2013 Tòa án cấp phúc thẩm tỉnh Đắk Lắk đã tăng hình phạt đối với **322** bị cáo/**2.030** bị cáo (Chuyển từ cho hưởng án treo sang hình phạt tù: 102 bị cáo; tăng hình phạt tù: 220 bị cáo).

Áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nặng hơn, là trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điều khoản của Bộ luật hình sự mà điều khoản đó so với điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng nặng hơn. Nếu bản kháng nghị chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nặng hơn mà không nói gì đến việc tăng hình phạt thì Tòa án cấp phúc thẩm không được tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tăng mức bồi thường thiệt hại, việc Tòa án cấp phúc thẩm quyết định tăng mức bồi thường

thiệt hại cũng như việc kháng nghị, kháng cáo theo hướng tăng mức bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự là một việc rất phức tạp. Vì vậy, những người này là những người bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị họ phải được nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát, Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập đến phiên tòa, nếu họ vắng mặt có lý do chính đáng thì Hội đồng xét xử phúc thẩm không được tăng mức bồi thường đối với họ. Nếu xét việc tăng mức bồi thường là cần thiết thì phải hoãn phiên tòa. Mặt khác, phải xác định khả năng tham gia phiên tòa của những người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại để kháng nghị đảm bảo có căn cứ.

Sửa quyết định xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử phúc sửa quyết định xử lý vật chứng của Tòa án cấp sơ thẩm theo hướng bất lợi hay không bất lợi cho bị cáo và những người tham gia tố tụng không phụ thuộc vào việc có hay không có kháng cáo, kháng nghị. Vì vậy, khi xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử lý vật chứng không đúng thì Viện kiểm sát có thể kháng nghị và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng. Trong quyết định kháng nghị có thể nêu định hướng nhưng nếu không nêu định hướng thì cũng không ảnh hưởng đến quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm.

(3). *Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại;* Theo quy định tại Điều khoản 2 Điều 250 Bộ luật tố tụng hình sự thì Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại ở cấp sơ thẩm với thành phần Hội đồng xét xử mới trong những trường hợp: Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng luật định hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng; người được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội. (Số liệu tham khảo tại bảng 2.6).

(4). *Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án,* Tòa án nhân dân tối cao đã có công văn số 105 ngày 17/7/2009, hướng dẫn việc áp dụng các quy định của Nghị quyết 33/2009/QH về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa 12, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19/6/2009. Trong 05 năm từ 2009 đến 2013 triển khai thực hiện, qua thực tiễn áp dụng Tòa án cấp phúc thẩm đã Hủy bản án sơ thẩm đình chỉ vụ án, tuyên bố không phạm tội đối với 30 bị cáo, tập trung ở các tội: Điều 138, Điều 139, Điều 140, Điều 248 BLHS.

Qua thực tiễn thụ lý và giải quyết án phúc thẩm tại tỉnh Đắk Lắk cho thấy: Số lượng vụ án phải giải quyết của cấp phúc thẩm khá nhiều trong khi số lượng thẩm phán chưa đảm bảo, bình quân đối với 01 Thẩm phán Tòa hình sự TAND tỉnh Đắk Lắk trong 01 năm xử khoảng 150 vụ phúc thẩm. Chất lượng xét xử phúc thẩm chưa cao. Một số bản án phúc thẩm bị Tòa án cấp giám đốc thẩm hủy để điều tra lại và xét xử lại. Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, TAND tối cao qua xét xử giám đốc thẩm từ năm 2009 đến năm 2013 đã hủy để điều tra lại và xét xử lại do lỗi chủ quan: 52 vụ/9.714 tổng số vụ án đã được TAND hai cấp tỉnh Đắk Lắk giải quyết, chiếm tỷ lệ: 0.53 %. Nguyên nhân bị hủy chủ yếu: do sai lầm về định tội danh, áp dụng hình phạt quá nhẹ, áp dụng không đúng chế định án treo, có nhiều vi phạm nghiêm trọng tố tụng hình sự...

2.3. Những vi phạm, sai lầm trong việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

2.3.1. Những vi phạm, sai lầm trong thực hiện các quyền

Những vi phạm, sai lầm trong thực hiện các quyền của những người tiến hành tố tụng trong công tác xét xử vụ án hình sự đối với việc bảo đảm quyền con người, vẫn còn tồn tại những sai lầm, vi phạm trong việc thực hiện quyền, nổi bật vẫn là *Quyền độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong khi xét xử.* Bên cạnh những Thẩm phán được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bề dày kinh nghiệm xét xử thì vẫn còn không ít Thẩm phán, nhất là một số Thẩm phán sơ cấp còn hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cũng như thiếu tự tin, ý lại hoặc sợ trách nhiệm, không tự quyết định được những vấn đề đặt ra khi xét xử, nên đã chủ động xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên và điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tính độc lập xét xử. Ngoài ra, hệ thống Tòa án hiện nay được tổ chức theo đơn vị hành chính – lãnh thổ. Điều này dẫn đến tình trạng là Thẩm phán, và trong một số trường hợp cả Chánh án cũng bị chi phối bởi các ý kiến của lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền địa phương nơi Tòa án đặt trụ sở. Giữa Tòa án với

chính quyền địa phương cùng cấp tồn tại mỗi quan hệ do Chánh án Tòa án cùng cấp phải có trách nhiệm báo cáo về công tác xét xử tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân và có thể bị chất vấn về công tác xét xử.

Những vi phạm, sai lầm trong thực hiện các quyền của những người tham gia tố tụng trong công tác xét xử vụ án hình sự đối với việc bảo đảm quyền con người.

Quyền của bị cáo: trên thực tiễn việc thực hiện quyền của bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 50 BLTTHS còn nhiều hạn chế. Người viết thấy rằng vẫn còn tồn tại một số hạn chế, thiếu sót sau đây: Quyền bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa: người dân chưa có thói quen nhờ người bào chữa và cũng chưa thấy rõ được vai trò của người bào chữa trong vụ án hình sự, vì điều kiện kinh tế, vì các cơ quan tiến hành tố tụng chưa giải thích rõ ràng về quyền nhờ người khác bào chữa; vì chất lượng tham gia bào chữa tại các phiên tòa của người bào chữa không cao....; Quyền được giải thích quyền và nghĩa vụ: do đặc điểm địa lý, điều kiện đi lại và kinh tế khó khăn, thông tin liên lạc kém phát triển nên bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo không được tổng đạt các quyết định tố tụng theo qui định; Quyền được đưa ra đồ vật, tài liệu, yêu cầu: quyền này chưa được đảm bảo đối với các bị cáo đang bị tạm giam vì quá trình thu thập tài liệu đối với họ là hạn chế. Trên thực tế không ít trường hợp đã bị bác bỏ, không kiểm tra và xem xét thật khách quan những chứng cứ mà bị cáo đưa ra; Quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án: Trong điều kiện Tòa án nhân dân cấp huyện được tăng thẩm quyền xét xử đến các tội phạm rất nghiêm trọng (trừ các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh), số lượng các vụ án hình sự cần phúc thẩm do có kháng cáo, kháng nghị tăng lên, thì tình trạng thiếu ngũ cán bộ ngành Tòa án càng trở nên trầm trọng. Bên cạnh đó, một số Thẩm phán thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc có tác phong cầu thả trong xét xử phúc thẩm, không nắm vững các yêu cầu, đặc điểm và kỹ năng xét xử phúc thẩm mà xét đến cùng là nhận thức không đúng về tính chất của phúc thẩm, vì vậy đã xét xử không đảm bảo thời hạn luật định; xác định không đúng đơn kháng cáo hoặc nội dung kháng cáo; Quyền được tổng đạt các quyết định tố tụng: thực tế xét xử tại Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk cho thấy việc tổng đạt cho bị cáo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định kháng nghị của VKS, Thông báo kháng cáo kháng nghị, Lệnh tạm giam, quyết định tạm giam chưa đảm bảo làm hạn chế các quyền của bị cáo.

Quyền của người bị hại: Xác định tư cách tham gia tố tụng, trong trường hợp có quyền và nghĩa vụ mâu thuẫn với nhau thì giải quyết như thế nào chưa được hướng dẫn; Quyền kháng cáo của người bị hại chỉ cho phép người bị hại kháng cáo trong phạm vi phần bồi thường và phần hình phạt, những phần khác trong bản án như: các vấn đề liên quan đến tội danh, đến khung hình phạt... Nếu không đồng tình với bản án và quyết định của Tòa án thì người bị hại không có quyền kháng cáo; Quyền được tham gia phiên tòa: thực tiễn xét xử vụ án hình sự cho thấy không ít trường hợp người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ bị bị cáo hoặc những người thân bị cáo không chế, đe dọa, mua chuộc, lừa dối hoặc có những thủ đoạn khác,... Làm cho người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ không thể tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, không thể có mặt để thực hiện việc khai báo theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng vì không có cơ chế bảo vệ người bị hại; Quyền được bồi thường thiệt hại: Trong một số trường hợp người bị hại không cung cấp các chứng cứ về bồi thường dẫn đến quyền lợi bị xâm phạm.

Quyền của người bào chữa: Tại phiên tòa, quan điểm tranh luận, đề nghị của người bào chữa chưa được thẩm phán quan tâm nhiều, chứng cứ do người bào chữa tự thu thập chưa được ghi nhận, đánh giá cao; Thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa kéo dài thời gian tố tụng; Việc sao chụp hồ sơ của người bào chữa đôi khi còn chưa được đảm bảo vì khi đến liên hệ nghiên cứu hồ sơ thì thẩm phán đang bận xét xử, thư ký đang bận đi xác minh...; Khi nhận bào chữa cho bị cáo đang bị tạm giam hầu hết chất lượng bào chữa vẫn thấp hơn so với bị cáo đang tại ngoại.

2.3.2. Những vi phạm, sai lầm trong thực hiện các nghĩa vụ

Những vi phạm, sai lầm trong thực hiện các nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng, Thẩm phán chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc giải quyết vụ án như: việc điều tra còn sơ

sài, chưa đầy đủ, nghiên cứu hồ sơ không kỹ, vi phạm nghiêm trọng tố tụng, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội không sát, xử phạt quá nhẹ hoặc quá nặng, cho hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật, đánh giá chứng cứ lúng túng dẫn đến xử phạt không đúng tội danh, bỏ lọt tình tiết định khung hình phạt hoặc sai khoản, bỏ sót hoặc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng thiếu chính xác hoặc chưa chú trọng việc giải quyết về phần dân sự trong vụ án hình sự dẫn đến giải quyết vụ án chưa triệt để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, người bị hại khi tham gia tố tụng.

Những vi phạm, sai lầm trong thực hiện các nghĩa vụ của bị cáo, được qui định tại khoản 3 Điều 50 BLTTHS khi tham gia xét xử phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; trong trường hợp vắng mặt không có lý do chính đáng thì có thể bị áp giải; nếu bỏ trốn thì bị truy nã. Thực tiễn cho thấy bị cáo thường xuyên vi phạm nghĩa vụ này dẫn đến Tòa án phải hoãn phiên tòa và ra lệnh bắt và tạm giam, dẫn đến kéo dài thời gian xét xử vụ án.

Những vi phạm, sai lầm trong thực hiện các nghĩa vụ của người bị hại, tại khoản 4 Điều 51 Bộ luật TTHS quy định nghĩa vụ khai báo của người bị hại và nếu người bị hại không khai báo mà không có lý do chính đáng có thể phải chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 308 BLHS. Qui định này thể hiện sự thiếu công bằng bởi vì đã là người bị hại lại còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự chỉ vì họ từ chối khai báo.

Những vi phạm, sai lầm trong thực hiện các nghĩa vụ của người bào chữa: có thể thấy đa số luật sư thực hiện nhiệm vụ bào chữa chỉ định của mình một cách hình thức, qua loa, không coi trọng chất lượng bào chữa, không chú trọng nghiên cứu hồ sơ và thu thập chứng cứ, tham gia nhận bào chữa nhiều vụ, nhiều bị cáo nhưng không tập trung vào các tình tiết gỡ tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết có lợi cho bị cáo tại phiên tòa. Chưa chú trọng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ dẫn đến kỹ năng bào chữa yếu, chứng cứ không thuyết phục đôi khi còn bất lợi cho bị cáo.

2.3.3. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm trong thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Nguyên nhân khách quan: Thứ nhất, với số lượng các vụ án hình sự (sơ thẩm, phúc thẩm) mà Tòa án nhân dân hai cấp phải giải quyết ngày càng phức tạp, nhiều loại án mới phát sinh trên địa bàn, kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiền hành tố tụng còn hạn chế. Thứ hai, số lượng cán bộ, Thẩm phán của Tòa án chưa đủ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ dẫn đến chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa đáp ứng yêu cầu với diễn biến và sự phức tạp của các loại tội phạm. Thứ ba, trong công tác giải quyết, xét xử các vụ án hình sự, nhiều trường hợp phải hoãn phiên tòa do các nguyên nhân khách quan, do vị trí địa lý xa xôi, đi lại khó khăn dẫn đến sự vắng mặt của người tham gia tố tụng, việc cung cấp, bổ sung chứng cứ của các cơ quan chuyên ngành (Giám định pháp y tâm thần, Ban dân tộc...) có liên quan không đầy đủ, không kịp thời và thiếu chính xác gây khó khăn; Thứ tư, một số quy định của BLTTHS chưa thực sự phù hợp, còn chưa rõ ràng, chậm được sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn kịp thời, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa có văn bản hướng dẫn dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau khi áp dụng tại TAND hai cấp tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên nhân chủ quan: Thứ nhất, về công tác tổ chức nhân sự, công tác xét xử chưa hợp lý; chưa kịp thời, chủ động đề ra các biện pháp có hiệu quả để nâng cao chất lượng công tác nhất là công tác xét xử; Thứ hai, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực xét xử, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của một số ít cán bộ, Thẩm phán, Thư ký còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay. Một số ít cán bộ, công chức thiếu ý thức cầu thị, phấn đấu tự học tập, rèn luyện tư cách, phẩm chất đạo đức, kỷ luật công vụ nên hiệu quả, chất lượng công tác chưa cao; Thứ ba, về cải cách thủ tục hành chính tư pháp: Việc tiếp nhận, xử lý đơn thư, hồ sơ kháng cáo, kháng nghị, hồ sơ do Viện Kiểm sát chuyển đến, đơn khiếu nại, đơn yêu cầu của người tham gia tố tụng chưa được giải quyết kịp thời, vẫn còn để xảy ra tình trạng tồn đọng đơn thư hoặc không trả lời bằng văn bản cho người tham gia tố tụng. Thứ tư, công tác kiểm tra, giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói chung

chưa đạt yêu cầu, còn tồn tại nhiều hạn chế, chưa toàn diện, chưa thường xuyên nên chưa kịp thời phát hiện các sai sót để khắc phục và xử lý vi phạm trong công tác giải quyết, xét xử các loại án; Thứ năm, công tác phối hợp của một số cơ quan, ngành liên quan có lúc chưa kịp thời chặt chẽ cũng gây nhiều khó khăn, việc giải quyết vụ án phải kéo dài. [38].

Chương 3

NHỮNG YÊU CẦU VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

3.1. Những yêu cầu của việc nâng cao hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Pháp luật hình sự là một trong những công cụ sắc bén trong việc thực hiện quyền lực Nhà nước, thông qua đó Nhà nước xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền lợi hợp pháp của công dân. Để xử lý những hành vi vi phạm pháp luật hình sự thì các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải tiến hành theo trình tự, thủ tục chặt chẽ do BLTTHS quy định. Mặt khác, một trong những yêu cầu của cải cách trong TTHS là phải đáp ứng được mục tiêu của công cuộc cải cách tư pháp mà tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-06-2005 Bộ Chính trị đã xác định là “*Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao...*” [4]. Trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cũng xác định: “*Đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về thủ tục tố tụng tư pháp...*” [2]. Tuy nhiên, không chỉ ở Đắk Lắk mà nhiều địa bàn trên cả nước hoạt động tiến hành tố tụng không tránh khỏi những thiết sót, sai lầm và vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Như đã phân tích ở phần “*Mở đầu*” thì trong những năm qua việc thực hiện nguyên tắc xét xử hai cấp đối với việc bảo đảm quyền con người tại tỉnh Đắk Lắk còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu trong công cuộc cải cách tư pháp hiện nay. Thực tiễn cho thấy, số lượng các vụ án mà Tòa án thụ lý, xét xử ngày càng nhiều, nhưng số các vụ án bị kháng cáo, kháng nghị ngày càng tăng. Một trong những nguyên nhân của hạn chế này là do quy định của pháp luật về tố tụng hình sự chưa đầy đủ, rõ ràng, một số quy định không còn phù hợp với định hướng cải cách tư pháp. Vì thế, việc nâng cao hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự với việc bảo đảm quyền con người tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay, nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong việc khắc phục, sửa chữa những sai lầm, vi phạm pháp luật trong các bản án, quyết định của Tòa án chưa có HLPL nhằm bảo đảm quyền con người cần đề ra những yêu cầu cụ thể như:

- Phải lấy mục tiêu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, của Nhà nước, tập thể và công dân, đảm bảo công bằng trước pháp luật làm định hướng trong việc hoàn thiện pháp luật về nguyên tắc xét xử hai cấp.

- Nâng cao chất lượng giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, đảm bảo đầy đủ các cơ sở pháp lý và tổ chức cho việc xét xử sơ thẩm vụ án một cách khách quan, toàn diện, chính xác; mọi vấn đề đều được cấp sơ thẩm giải quyết; Đảm bảo tối đa quyền kháng cáo của các đương sự đối với bản án, quyết định sơ thẩm. Hoàn thiện các quy định liên quan đến thời hạn kháng cáo, kháng nghị, liên quan đến quyền hạn của Tòa án cấp phúc thẩm thể hiện đầy đủ rằng phúc thẩm là một cấp xét xử, hạn chế tối đa những vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Phải quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp, đặc biệt là Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị đã xác định một trong những nhiệm vụ của công cuộc cải cách tư pháp là: “*Từng bước hoàn thiện thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng quy*

định chặt chẽ những căn cứ kháng nghị và quy định rõ trách nhiệm của người ra kháng nghị đối với bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có HLPL; khắc phục tình trạng kháng nghị tràn lan, thiếu căn cứ” [4]; Kết luận số 79-KL/TW ngày 28-7-2010 của Bộ Chính trị về phương hướng đổi mới tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử với 04 cấp là: “*Tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực, Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân cấp cao và TANDTC*” [5].

- Phải đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, trong đó cần cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014) và phù hợp với Luật Tổ chức TAND sửa đổi, Luật Tổ chức VKSND sửa đổi,...

- Ngoài việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử còn phải đảm bảo thực hiện các nguyên tắc cơ bản của BLTTHS, như nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân, nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật, nguyên tắc xác định sự thật của vụ án...

- Phải được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn, bảo đảm tính khả thi, khắc phục những hạn chế, vướng mắc, bất cập và kế thừa những quy định còn phù hợp, đồng thời tham khảo các quy định của các nước trên thế giới về nguyên tắc hai cấp xét xử.

3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử trong tổ tụng hình sự đối với việc bảo vệ quyền con người trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

3.2.1.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về cấp xét xử sơ thẩm

Hoàn thiện qui định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, hiện nay năng lực thực tế của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp huyện nói riêng đã được nâng cao rất nhiều so với thời điểm BLTTHS có hiệu lực thi hành. Vì vậy, chúng tôi cho rằng đối với các tội phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 170 BLTTHS trong thời điểm hiện tại, các Tòa án cấp huyện đã có khả năng xét xử hầu hết các tội phạm này (*Ngoại trừ một số tội phạm quy định tại Điều 172; Điều 216; Điều 217; Điều 218; Điều 219; Điều 221; Điều 222; Điều 223 và Điều 263 BLHS*).

Hoàn thiện qui định về giới hạn xét xử của Tòa án, chức năng của VKSND và TAND là khác hẳn nhau và độc lập với nhau. Do vậy, trong phạm vi chức năng của mình, các cơ quan tố tụng nói trên thực hiện nhiệm vụ của mình một cách độc lập. Mặt khác, Tòa án phải có trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định bị can, bị cáo có tội hoặc vô tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của họ. Do đó, việc xác định bị cáo có phạm tội hay không, phạm tội gì thuộc trách nhiệm của Tòa án mà cụ thể là HĐXX tại phiên tòa, theo nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, nếu việc kết tội không chính xác, bị cáo có quyền kháng cáo, VKS có quyền kháng nghị để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Do đó, chúng tôi đề xuất cần bổ sung thêm một căn cứ để Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại Điều 179 BLTTHS với nội dung sau: “*Có căn cứ cho rằng bị can phạm một tội khác nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố*”.

Hoàn thiện qui định về việc chuẩn bị xét xử sơ thẩm, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã xuất hiện một số vấn đề phức tạp xung quanh các vấn đề như:

Quy định về trả hồ sơ để điều tra bổ sung còn nhiều bất cập cần nghiên cứu làm rõ để có hướng khắc phục, chúng tôi đề nghị sửa đổi BLTTHS, chỉ nên quy định Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần. Sau đó, Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có trách nhiệm bảo vệ bản cáo trạng, đưa ra quan điểm luận tội, quyết định tội danh, hình phạt cũng như các biện pháp tư pháp và tranh luận với bị cáo, người bào chữa cho bị cáo cùng những người tham gia tố tụng khác trên cơ sở những với các chứng cứ do Viện kiểm sát và cơ quan điều tra đã thu thập được. Quy định này nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm của cơ quan buộc tội đồng thời đảm bảo cho các bên tranh tụng tại phiên tòa thực sự dân chủ, khách quan.

Quy định về tạm đình chỉ vụ án, Điều 180 BLTTHS quy định: Chúng tôi đề nghị cần bổ sung điều luật quy định về thủ tục phục hồi việc xét vụ án hình sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Hoàn thiện qui định về hoạt động tranh tụng trong TTTHS, hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự là quá trình thẩm định, đánh giá công khai các chứng cứ, tài liệu của vụ án được thực hiện giữa đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự nhằm bảo vệ quan điểm, lợi ích của các bên, dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa và quyết định của Hội đồng xét xử với vai trò trọng tài. Chúng tôi đề nghị cần có qui định cụ thể trong BLTTHS: xây dựng nguyên tắc về tranh tụng và các qui định khác liên quan đến tranh tụng; mở rộng thêm các quyền của người bào chữa cũng như phải có cơ chế đảm bảo để họ có thể thay mặt bị cáo thực hiện việc tranh tụng tại phiên tòa được thuận lợi hơn nữa.

Hoàn thiện qui định về quyền bào chữa của bị cáo, chúng tôi đề nghị ngành Tòa án cần có văn bản hướng dẫn cụ thể, yêu cầu các Thẩm phán khi xét xử vụ án hình sự, nếu không chấp nhận ý kiến bào chữa của người bào chữa phải nêu được lý do, căn cứ không chấp nhận trong bản án, quyết định; Buộc Kiểm sát viên phải có quan điểm đối đáp với người bào chữa trong trường hợp khi người bào chữa đưa ra vấn đề yêu cầu tranh luận với Kiểm sát viên.

Hoàn thiện qui định về kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, kháng cáo, chúng tôi đề nghị nên sửa đổi Điều 229 BLTTHS theo hướng Tòa án giao bản án, quyết định cho cả người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ trong mọi trường hợp. Ngoài ra nếu xét xử vắng mặt họ, Tòa án còn phải niêm yết bản án, quyết định sơ thẩm tại trụ sở chính quyền xã, phường, thị trấn cư trú hoặc nơi làm việc của họ.

Việc bổ sung, thay đổi, rút kháng cáo, kháng nghị, quy định tại Khoản 1 Điều 238 BLTTHS quy định: "*Trước khi bắt đầu hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo hoặc VKS có quyền bổ sung, thay đổi kháng cáo, kháng nghị nhưng không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo; rút một phần hoặc toàn bộ kháng cáo, kháng nghị*" [33]. Chúng tôi đề nghị cần bổ sung trong BLTTHS quy định về thời điểm bắt đầu và kết thúc quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị của các chủ thể kháng cáo, kháng nghị; Hướng thay đổi, bổ sung mà các chủ thể này có quyền thực hiện.

3.2.1.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về cấp xét xử phúc thẩm

Về khái niệm xét xử phúc thẩm, chúng tôi đề nghị xác định lại khái niệm xét xử phúc thẩm trong BLTTHS, điều chỉnh lại theo đúng bản chất của các quan hệ tố tụng, với những thẩm quyền tố tụng quan trọng, có tính chất đóng, mở một giai đoạn tố tụng.

Hoàn thiện qui định về thủ tục tố tụng, cách thức tiến hành phiên tòa phúc thẩm, chúng tôi đề nghị cần sửa đổi, bổ sung Điều 247 Bộ luật Tố tụng hình sự theo hướng quy định chi tiết hơn về thủ tục và trình tự phiên tòa hình sự phúc thẩm. Thủ tục phiên tòa phúc thẩm phải được tiến hành đúng trình tự như phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục xét hỏi công khai tại phiên tòa, thủ tục tranh luận, nghị án và tuyên án.

Hoàn thiện quy định về trách nhiệm, quyền hạn của người tiến hành tố tụng: phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự; đảm bảo quyền hạn phải đi đôi với trách nhiệm trong hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng; *Ba là*, đảm bảo nguyên tắc độc lập trong tố tụng hình sự; *Bốn là*, các quy định phải đảm bảo tính khả thi bằng các quy định của pháp luật, bằng các biện pháp tổ chức và được sự kiểm tra, giám sát cụ thể, chặt chẽ.

3.2.2. Giải pháp tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật

Việc áp dụng pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự của Tòa án luôn là mối quan tâm của xã hội, đặc biệt là khi chúng ta đang tiến hành cải cách tư pháp nhằm thực hiện tốt nhất công cuộc đổi mới, xây dựng nhà nước pháp quyền. Những bản án, quyết định của Tòa án đúng pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá kết quả hoạt động của ngành; Đây mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn áp dụng pháp luật nhằm làm cho nhận thức đầy đủ pháp luật tố tụng hình sự

giúp cho các chủ thể có niềm tin và xử sự theo pháp luật một cách tích cực, bảo đảm cho hoạt động thực hiện pháp luật tố tụng hình sự được đúng và đầy đủ, trên cơ sở đó mà nâng cao vai trò của pháp luật tố tụng hình sự.

Nâng cao ý thức về pháp luật tố tụng hình sự cho các chủ thể, như thông qua hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật tố tụng hình sự, bằng nhiều hình thức như các buổi nói chuyện chuyên đề, các cuộc thi tìm hiểu...

3.2.3. Giải pháp nâng cao năng lực người tiến hành tố tụng và người bào chữa

Giải pháp nâng cao năng lực người tiến hành tố tụng, Để nâng cao tính độc lập trong xét xử của Hội đồng xét xử, hạn chế tối đa oan sai, tiêu cực; xét xử đúng người, đúng tội, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp, theo chúng tôi, cần phải làm tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất, tăng cường và đổi mới công tác đào tạo nguồn Thẩm phán. Theo đó, cần đổi mới chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo hướng tới mục tiêu Thẩm phán phải vững vàng về chuyên môn, giỏi về kỹ năng, có kiến thức về tin học, ngoại ngữ, pháp luật quốc tế, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và bản lĩnh, có phong cách nghề, có tinh thần dũng cảm, dám đấu tranh cho sự công bằng, bảo vệ công lý; *Thứ hai*, cần đổi mới quy trình bổ nhiệm Thẩm phán theo hướng rút ngắn thủ tục, giảm sự can thiệp của các cơ quan chính quyền địa phương. Song song đó, trong ngành Tòa án phải có cơ chế thi đua, thưởng phạt nghiêm minh. Người giỏi, người có công phải được đánh giá đúng mức; người kém, người vi phạm phải bị xử lý nghiêm minh. Tòa án phải thường xuyên kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm công vụ đối với Thẩm phán, cán bộ, công chức, trong đó trọng tâm là kiểm tra đối với Thẩm phán trong công tác xét xử; *Thứ ba*, bỏ cơ chế thỉnh thị, cơ chế duyệt án (*trừ việc trao đổi nghiệp vụ giữa các cấp toà với nhau*) như nó đã và đang tồn tại ở một số Tòa án cấp huyện hiện nay nhằm tạo điều kiện để các Thẩm phán đề cao trách nhiệm cá nhân, nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp; *Thứ tư*, tăng cường sự giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc tỉnh đối với hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng; *Thứ năm*, cần nghiên cứu, sửa đổi một cách tổng thể chế độ, chính sách đãi ngộ cho Thẩm phán, Thư ký tòa án; *Thứ sáu*, từng bước thực hiện công khai hoá bản án, quyết định của Tòa án, trừ những bản án hình sự về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc liên quan đến thuần phong mỹ tục của dân tộc nhằm làm cho nhân dân thấy rõ quan điểm của Tòa án trong việc áp dụng pháp luật để xét xử và giám sát chất lượng của Hội đồng xét xử khi tuyên bản án đó; *Thứ bảy*, cần nâng cao nhận thức về Quyền con người nói cách khác là tăng cường giáo dục quyền con người đối với Thẩm phán, HTND, Kiểm sát viên, thư ký tòa án.

Giải pháp nâng cao năng lực người bào chữa, nâng cao năng lực của người bào chữa cùng như vai trò, chất lượng tham gia bào chữa của họ khi xét xử tại hai cấp đối với vụ án hình sự. Cụ thể chúng tôi đề nghị các giải pháp sau: *Một là*, hoàn thiện về tổ chức đối với Luật sư, cần tăng về số lượng đồng thời quan tâm đến chất lượng, chế độ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, thi tuyển phải bảo đảm các tiêu chuẩn về năng lực và đạo đức nghề nghiệp của Luật sư, giữ gìn tâm trong sáng của người luật sư; *Hai là*, có biện pháp để thường xuyên kiểm tra, giám sát luật sư trong tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Đoàn, quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp; *Ba là*, quy định rõ trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc cung cấp hồ sơ, tài liệu cho người bào chữa trong quá trình tố tụng; Có cơ chế phối hợp để đảm bảo nâng cao chất lượng việc trợ giúp pháp lý cho các đối tượng theo qui định;

3.2.4. Các giải pháp khác

Tăng cường giải quyết đơn khiếu nại giám đốc thẩm, tái thẩm, việc giải quyết toàn bộ các đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm là một trong những điều kiện quan trọng để phát hiện vi phạm pháp luật trong các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật [50]. Tuy nhiên, cũng cần có quy định hạn chế việc khiếu nại đối với các trường hợp đã có nhiều đơn đề nghị xem xét lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết và trả lời cho người khiếu nại, để giảm bớt công việc cho Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm.

Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của Kiểm sát viên, Ngành VKSND cần có các giải pháp cụ thể

để xây dựng đội ngũ Kiểm sát viên có kỹ năng tố tụng hình sự cao trong hoạt động thực hành quyền công tố, xem xét tính hợp pháp hay không hợp pháp của hành vi, có tội hay không có tội [38]. Bên cạnh đó, BLTTHS cần có quy định cụ thể về quyền hạn và trách nhiệm của những người có thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm theo đó việc quyết định kháng nghị phúc thẩm không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của người có thẩm quyền kháng nghị. Vì thế, người có thẩm quyền kháng nghị cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị, đổi mới phương thức tổ chức chỉ đạo, điều hành bộ phận tham mưu, giúp việc kiểm tra toàn bộ bản án, quyết định chưa có HLPL để phát hiện các căn cứ kháng nghị phúc thẩm [25].

Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là giữa Tòa án với VKS trong công tác kháng nghị phúc thẩm, trong hoạt động tố tụng hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng không chỉ phối hợp với nhau trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án mà ngay cả trong hoạt động kháng nghị phúc thẩm thì việc trao đổi, phối hợp giữa các cơ quan này là rất quan trọng. Mặt khác, các cơ quan tiến hành tố tụng còn phải tăng cường phối hợp với các cơ quan Nhà nước khác, tổ chức Đảng... Trong việc phát hiện căn cứ kháng nghị phúc thẩm. Đặc biệt là những vụ án phức tạp, được dư luận quần chúng quan tâm, chứng cứ không rõ ràng thì trước khi tiến hành kháng nghị phúc thẩm cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát nên có sự trao đổi để thống nhất về quan điểm giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, đáp ứng được tình hình chính trị, trật tự trị an và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Vận dụng có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với Việt Nam, thực tiễn trên thế giới cũng tồn tại nhiều mô hình xét xử hình sự khác nhau, nên có nhiều những kinh nghiệm khác nhau về hoạt động xét xử hình sự. Chính vì thế, việc vận dụng kinh nghiệm của nước ngoài để nâng cao vai trò của pháp luật tố tụng hình sự là cần thiết, đòi hỏi chúng ta phải tiếp thu có chọn lọc những yếu tố hợp lý và vận dụng một cách thích hợp với điều kiện cụ thể của nước ta, đặc biệt là các kinh nghiệm về mô hình tổ chức cơ quan xét xử, quy định về thẩm quyền xét xử, các quy định nhằm bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự, bảo đảm thi hành án hình sự, chế độ lương bổng và trách nhiệm của thẩm phán...

Nâng cao nhận thức pháp luật trong nhân dân, Theo quy định của BLTTHS thì không chỉ người bị kết án mà mọi công dân đều có quyền phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để thông báo cho người có thẩm quyền kháng nghị biết. Vì thế, cần có biện pháp, cách thức tuyên truyền phù hợp, nâng cao kiến thức pháp luật trong nhân dân, tạo tiền đề quan trọng để nâng cao chất lượng phát hiện những vi phạm pháp luật hoặc tình tiết mới trong các bản án, quyết định đã có HLPL để thông báo cho người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm xem xét, quyết định việc kháng nghị.

Nâng cao khả năng tự bảo vệ quyền con người đối với người bị buộc tội, bằng việc tạo điều kiện tốt nhất để họ có thể tiếp cận các dịch vụ pháp lý thực hiện quyền bào chữa của mình trong quá trình tố tụng như nhờ người bào chữa, thu thập chứng cứ, đơn giản hóa các thủ tục tố tụng, giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ khi tham gia tố tụng. Chỉ khi nào sự bình đẳng trong tố tụng hình sự giữa hai bên buộc tội và gỡ tội ở mức tương đối thì quyền con người trong TTHS mới được đảm bảo trên thực tiễn.

KẾT LUẬN

Thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong luật TTHS Việt Nam có vai trò, ý nghĩa cả về chính trị, xã hội và pháp lý hết sức quan trọng, nhằm đảm bảo cho việc xét xử của Tòa án được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và hơn hết là quyền công dân được bảo đảm, pháp luật được bảo vệ. Bản chất của nguyên tắc này cũng chính là thể hiện bản chất của Nhà nước pháp quyền Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân, vì nhân dân và là một trong những nguyên tắc cơ bản để tổ chức và hoạt động của Tòa án. Từ nguyên tắc hai cấp xét xử, pháp luật TTHS có sự phân biệt rõ ràng đối với các hoạt động xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm bằng các thủ tục tố tụng của mỗi cấp. Thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử chính là cơ sở để hoạt động xét xử các vụ án được đúng đắn, mặt khác nó cũng tạo tiền đề để bị cáo, các đương sự tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án.

Kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy, tuy các quy định của TTHS về hai cấp xét xử đã đem lại những hiệu quả nhất định trong việc bảo vệ quyền con người và khắc phục các sai lầm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, nhưng những quy định này vẫn còn một số hạn chế, thiếu quy định chi tiết, dẫn đến việc nhận thức, cách hiểu không thống nhất trong thực tiễn áp dụng. Vì thế, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS Việt Nam nói chung, đặc biệt là hoàn thiện các quy định về hai cấp xét xử luôn là những đòi hỏi cần thiết, cấp bách nhất. Từ lý do đó, luận văn đã phân tích, làm rõ về mặt lý luận liên quan đến nguyên tắc hai cấp xét xử TTHS đối với việc bảo đảm quyền con người, như về khái niệm và nội dung hai cấp xét xử, quyền con người; tính chất, đối tượng, căn cứ, thẩm quyền, thời hạn xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, hậu quả pháp lý của việc kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm... Mặt khác, luận văn cũng phân tích, đánh giá thực trạng của hoạt động xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, những kết quả đã đạt được, một số tồn tại, thiếu sót và nguyên nhân cơ bản của những tồn tại đó. Trên cơ sở đó, luận văn đã đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả của việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử đối với việc bảo đảm quyền con người như: hoàn thiện các quy định của BLTTHS về thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS; Phạm vi giải quyết VAHS tại Tòa án cấp sơ thẩm, trách nhiệm của Tòa án trong việc thực hiện quyền tư pháp; có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; Tăng cường kiểm tra hoạt động xét xử của Tòa án các cấp; đổi mới công tác tổ chức, cán bộ; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và với cơ quan, tổ chức khác; nâng cao nhận thức pháp luật trong nhân dân, đặc biệt là pháp luật hình sự, pháp luật TTHS để nâng cao chất lượng xét xử ở các Tòa án sơ thẩm, Tòa án phúc thẩm. Đổi mới hệ thống Tòa án, tổ chức lại hệ thống Tòa án theo tinh thần Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị theo hướng: "*Các cấp Tòa án sẽ được phân định theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính. Tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; Tòa phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án; Tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm*" [4].

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng kết quả nghiên cứu của đề tài không tránh khỏi những hạn chế, khiếm khuyết; những giải pháp, kiến nghị nêu trong đề tài chưa phải đã đầy đủ, hoàn thiện. Do đó, bản thân tôi mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các chuyên gia pháp luật, nhà khoa học, luật gia, đồng nghiệp để hoàn thiện hơn các vấn đề đã được nghiên cứu trong luận văn.

Nhân dịp này, chúng tôi xin bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với Ban lãnh đạo Khoa Luật, Phòng đào tạo sau đại học Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội và các thầy cô giáo tham gia giảng dạy đã tạo điều kiện cho tôi hoàn thành khóa học. Đặc biệt là TS. Đặng Quang Phương - người thầy đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này. Cảm ơn các tác giả đã có những công trình nghiên cứu mà tôi đã tham khảo trong quá trình thực hiện luận văn./.